Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
ĐỒNG HỒ TỦ ĐIỆN DẠNG SỐ HIỂN THỊ DẠNG LED			
	**MA12 (48x96)**	- Đồng hồ đo Dòng điện AC gián tiếp qua CT - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số CT: 5 - 4000A - Dải hiển thị: 0 - 4960A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz)	**340,000**
	MA202 (72x72)		**370,000**
	MA302 (96x96)		
	**MA335 (96x96)**	- Đồng hồ đo Dòng điện AC gián tiếp qua CT - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số CT: 1/5 - 999 KA - Dải hiển thị: 0 - 999 KA - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây hoặc 3 pha 3/4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz)	**654,000**
	**MV15 (48x96)**	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LED 7 đoạn - Dải hiển thị: 0 - 516V - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz)	**340,000**
	MV205 (72x72)		
	MV305 (96x96)		
	**MV334 (96x96)**	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số PT sơ cấp: 100 ~ 999 KV - Cài đặt hệ số PT thứ cấp: 100 ~ 500 V - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây hoặc 3 pha 3/4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz)	**550,000**
ĐỒNG HỒ TỦ ĐIỆN DẠNG SỐ HIỂN THỊ DẠNG LCD			
	**MA501 (48x48)**	- Đồng hồ đo Dòng điện AC gián tiếp qua CT - Hiển thị 4 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5 - 5000A - Dải hiển thị: 0 - 6200A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Có biểu đồ hiển thị % tải	**618,000**
	**MA2301 (72x72)**	- Đồng hồ đo Dòng điện AC gián tiếp qua CT - Hiển thị 4 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5 - 5000A - Dải hiển thị: 0 - 6200A - Mạng kết nối: 3 pha 4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Có biểu đồ hiển thị % tải	**766,000**
	**MV507 (48x48)**	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LCD - Dải hiển thị: 0 - 516V AC - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Có biểu đồ hiển thị % điện áp	**564,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
	**MV2307** **(72x72)**	- Đồng hồ đo Điện áp 3 pha - Hiển thị 3 số, dạng LCD - Dải hiển thị: 0 - 516V AC - Mạng kết nối: 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC ±20%, (50 / 60Hz) - Có biểu đồ hiển thị % điện áp	**726,000**
ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN ÁP, DÒNG ĐIỆN, TẦN SỐ, COS PHI			
	**VAF36A** **(96x96)**	- Đồng hồ đo: Điện áp, dòng điện và tần số - VAF36A : Hiển thị 3 hàng, 3 số, dạng LCD - VAF39A : Hiển thị 3 hàng, 3 số, dạng LED - Cài đặt hệ số CT: 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 3/4 dây & 1 pha - 2 dây - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500VAC (L-L) - Nguồn cấp: 230V AC ± 20%	**1,716,000**
	**VAF39A** **(96X96)**		**1,400,000**
	**MX300** **(96X96)**	- Đồng hồ đo: V, A, F, PF, P, Q, S (Tức thời) - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Cài đặt hệ số CT: 5A - 9999A - Mạng kết nối: 1 pha - 2 dây - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500VAC (L-L) - Nguồn cấp: 85-276 VAC/VDC - Có cổng truyền thông RS485 : MX300-C - Ngõ ra: 1 CO (NO 5A @ 250VAC) : MX300-C - Phím nhấn cảm ứng	**576,000**
	MX300-1-C **(96X96)**		**842,000**
ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN NĂNG			
	**EM306** **(96x96)**	- Đồng hồ đo điện năng tiêu thụ KWh. - Hiển thị 6 số, dạng LED - Cài đặt hệ số CT: 1 / 5A - 10.000A - Độ phân giải: 0.01, 0.1, 1 & 10 - Mạng kết nối: 3 pha - 3/4 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Cấp chính xác: cấp 1 - Nguồn cấp: 230VAC ± 20%	**1,475,000**
	**EM368-C** **(96x96)**	- Đồng hồ đo: Pf, kWh, kVArh, kVAh, kW & kVAr - Hiển thị 8 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 1 / 5A - 10.000A - Độ phân giải: 0.01, 0.1, 1 & 10 - Mạng kết nối: 3 pha - 3/4 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500VAC (L-L) - Nguồn cấp: 85 - 270VAC/DC - Truyền thông MODBUS RS485	**2,480,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
ĐỒNG HỒ ĐO ĐA CHỨC NĂNG			
	**EM2M-1P-C-100A-CE (90x35)**	- Đồng hồ đo: V, A. Hz, Pf, kW, kVA, kVAr và đo kWh, KVAh, KVArh hai chiều - Đo dòng trực tiếp 100A - Cấp chính xác: Cấp 1 - Ngõ ra: 2 xung áp 24VDC / dòng 100mA - Truyền thông MODBUS RS485 - Mạng kết nối: 3 pha - 3/4 dây & 1 pha - 2 dây	**1,418,000**
	**EM4M-3P-C-100A (90x70)**		**3,510,000**
	**MFM383A (96x96)**	- Đồng hồ đo: V, A. Hz, Pf, kW, kVA, kVAr và đo kWh, KVAh, KVArh - Hiển thị 3 hàng, 4 số, dạng LCD - Hàng thứ 4: 8 số (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số CT: 1A / 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 3/4 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 10KV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500VAC (L-L) - Nguồn cấp: 85 - 270VAC/DC - Truyền thông MODBUS RS485 : MFM383A-C	**2,150,000**
	MFM383A-C (96x96)		**2,554,000**
	**MFM384-C (96x96)**	- Đồng hồ đo: V, A. Hz, Pf, kW, kVA, kVAr, kW. kVArh, kVAh, kWh hai chiều. - Đo và hiển thị sóng hài THD của điện áp, dòng điện - Hiển thị 4 hàng, 4 số, dạng LCD - Hàng thứ 5: 8 số (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số CT: 1A / 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 3/4 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp / dòng 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500VAC (L-L) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC - Truyền thông MODBUS RS485 - MFM384-C : Gắn mặt tủ - MFM384-R-C : Gắn thay Rail	**3,194,000**
	**MFM384-R-C (70x90)**		**3,211,000**
	**MFM384-C-D-CE-CL0.5-PLUS**	- Đồng hồ đo: V, A. Hz, Pf, kW, kVA, kVAr, kW. kVArh, kVAh, kWh hai chiều. - Cấp chính xác : Class 0.5 - Đo 2 nguồn độc lập - Đồng hồ hiển thị thời gian thực - Hiển thị tình trạng thứ tự pha và gốc của 3 pha - Xác định cực tính của biến dòng - Đếm thời gian hoạt động của phụ tải - Nguồn cấp dãy rộng : 40 - 300V AC/DC - Điện áp cài đặt gián tiếp đến 999KV - Dòng điện cài đặt gián tiếp : 33KA - Truyền thông MODBUS RS485 - Đạt tiêu chuẩn : CE, ROHS	**5,211,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
	**MFM386-E-CE-CL02**	- Đồng hồ đo: V, A. Hz, Pf, kW, kVA, kVAr, kW. kVArh, kVAh, kWh hai chiều. - Cài đặt 4 tariffs - Cấp chính xác : Class 0.2 - Đo 2 nguồn độc lập - Đồng hồ hiển thị thời gian thực - Hiển thị tình trạng thứ tự pha và gốc của 3 pha - Xác định cực tính của biến dòng - Đếm thời gian hoạt động của phụ tải - Nguồn cấp dãy rộng : 40 - 300V AC/DC - Điện áp cài đặt gián tiếp đến 999KV - Dòng điện cài đặt gián tiếp : 33KA - Truyền thông MODBUS RS485 / Ethernet - Đạt tiêu chuẩn : CE, ROHS	**11,500,000**
	**SELEC TRACKING**	- Phần mềm giám sát năng lượng SELEC TRACKING - Dùng cho toàn bộ các sản phẩm có giám sát thông qua truyền thông MODBUS RS485 / Wifi của Selec - Lưu dữ liệu trên Cloud - Giám sát linh hoạt	**Liên hệ**
RƠ LE BẢO VỆ			
	**900ELR-2-230V**	- Rơ le bảo vệ dòng rò và chạm đất - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Hiển thị: 3 số, LCD đèn nền - Mạng kết nối: 3 pha - 3/4 dây & 1 pha - 2 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Dải dòng rò điều chỉnh: 10 mA - 30A - Test / Reset: phím nhấn trước / từ xa - Ngõ ra: 2 CO (NO/5A, NC/3A @ 250VAC) - Nguồn cấp: 230VAC	**1,807,000**
	**CBCT35-1**	- CBCT dùng cho Rơ le bảo vệ dòng rò 900ELR - Có 3 loại đường kính: 120, 70, 35 mm - Hệ số CT: 1000:1	**550,000**
	CBCT70-1		**673,000**
	CBCT120-1		**1,482,000**
	**900CPR-1-BL-U**	- Rơ le bảo vệ dòng điện 1 pha (900CPR-1-BL-U) - Rơ le bảo vệ dòng điện 3 pha (900CPR-3-230V) - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - 900CPR-1-230V: dùng cho điện 1 pha 2 dây - 900CPR-3-230V: dùng cho điện 1 pha 2 dây, 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Thấp dòng: 0 - 999 A - Quá dòng: 0.5A - 1.2kA - Ngõ ra: 1 CO (NO/5A, NC/3A @ 250VAC) - Nguồn cấp: 230 VAC	**1,364,000**
	900CPR-3-230V		**1,605,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
	**900VPR-2-280/600V-CE**	- Rơ le bảo vệ điện áp, pha, và tần số - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng bảo vệ: thấp / quá điện áp; thấp /quá tần số; mất cân bằng pha; thứ tự pha và mất pha - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây, 1 pha 2 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Thấp áp / quá áp: 3 pha 3 dây : 280 to 600V AC (L-L) 3 pha 4 dây : 160 to 300V AC 1 pha 2 dây : 160 to 300V AC - Thấp / quá tần số: 45 - 65 Hz - Mất cân bằng điện áp: 5 - 99.9% - Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	**1,245,000**
	**VPRD2M-BL**	- Rơ le bảo vệ điện áp - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng bảo vệ: thấp / quá điện áp, mất cân bằng pha; thứ tự pha và mất pha - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - Dùng cho mạng 1 pha 2 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Quá áp: 242 - 288 V AC (L-N) - Thấp áp:127 - 219 V AC (L-N) - Mất cân bằng pha: 5 - 30% - Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	**971,000**
	**VPRA2M**	- Rơ le bảo vệ điện áp - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng: bảo vệ thấp áp, quá áp, ngược pha, mất pha, mất cân bằng pha - Có LED hiển thị nguồn và trạng thái ngõ ra - Dùng cho mạng điện 1 pha 2 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 15 giây - Phần trăm bảo vệ thấp áp:55% ~ 95% của 230VAC - Phần trăm bảo vệ quá áp:105% ~ 125% của 230VAC - Mất cân bằng pha: khi lệch áp các pha > 10% - Ngõ ra: 2 C/O (5A @ 250VAC)	**750,000**
	**600VPR-310 / 520** **(3 pha)**	- Rơ le bảo vệ điện áp. - Chức năng bảo vệ: quá áp, thấp áp, ngược pha, mất pha - Có LED hiển thị nguồn và trạng thái ngõ ra - Cài đặt được thời gian tác động trễ: 0.2 ~ 10 giây - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Phần trăm bảo vệ thấp áp: -2.5% ~ -25% của 415V(230V) AC - Phần trăm bảo vệ quá áp: +2.5% ~ +25% của 415V(230V) AC - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Ngõ ra: 1 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	**808,000**
	600VPR-1-130 / 320 **(1 pha)**		**641,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
	**600PSR**	- Rơ le bảo vệ ngược pha và mất pha - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, dải điện áp 154 đến 500V AC - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Thời gian tác động ngõ ra lớn nhất: 100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm (NO/5A, NC/3A @ 250VAC)	**541,000**
	**640PSR-V**	- Rơ le bảo vệ ngược pha và mất pha - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, dải điện áp 280 ~ 528V AC - Có Led báo tình trạng hệ thống - Khi điện áp nhỏ hơn 280V AC ngõ ra sẽ tác động - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Thời gian tác động ngõ ra lớn nhất: 100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm (NO/5A, NC/3A @ 250VAC	**426,000**
BỘ NGUỒN 24VDC			
	**RP-2M-1.1A-24VDC**	- Điện áp: 24VDC / Dòng điện : 1.1A / Công suất: 26.4W - Phần trăm cho phép quá tải 5% - Bảo vệ quá tải - Nguồn cấp: 100~270VAC / 100-300VDC - Cho phép quá tải 5% - 50% - Bảo vệ bằng cầu chì chống cháy nổ	**623,000**
	**RPS60-24**	- Ngõ vào: 90 - 265VAC hoặc 127 - 370VDC - Điện áp: 24 - 28VDC - Dòng điện : 2.5A - Công suất: 60W - Cho phép quá tải: 10% - 40% - Bảo vệ quá tải, quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch	**766,000**
	**RPS120-24**	- Ngõ vào: 90 - 265 VAC hoặc 127 - 370VDC - Điện áp: 24 - 28VDC - Dòng điện : 5A - Công suất: 120W - Cho phép quá tải: 10% - 40% - Bảo vệ quá tải, quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch	**1,115,000**
	**RPS240-24-CU**	- Ngõ vào: 90 - 265 VAC hoặc 127 - 370VDC - Điện áp: 24 - 28VDC - Dòng điện : 10A - Công suất: 240W - Cho phép quá tải: 10% - 40% - Bảo vệ quá tải, quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch	**2,737,000**
	**RPS480-24-CU**	- Ngõ vào: 90 - 265 VAC hoặc 127 - 370VDC - Điện áp: 24 - 28VDC - Dòng điện : 20A - Công suất: 480W - Phần trăm cho phép quá tải: 10% - 40% - Bảo vệ quá tải, quá áp - Bảo vệ tự ngắt chống cháy nổ	**4,473,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
BỘ ĐIỀU KHIỂN TỤ BÙ			
	**APFC347-108-230V (96x96)**	- Bộ điều khiển tụ bù 8 / 12 cấp - APFC147-108 , APFC347-108 : 8 cấp - APFC147-112 : 12 cấp - Màn hình hiển thị LED - 2 chế độ: Automatic/Manual - Cảnh báo CT ngược - Bảo vệ và cảnh báo: quá/thấp áp, quá/thấp cosφ - Nguồn cấp: 90 - 550VAC	**2,581,000**
	APFC147-108-90/550V (144x144)		**3,114,000**
	APFC147-112-90/550V (144x144)		**4,339,000**
	**APFC346-108-230V (96x96)**	- Hiển thị Cosphi, tính chất tải, trạng thái tiếp điểm đầu ra,... - Màn hình hiển thị LCD với đèn nền - Hiển thị 1 dòng 4 số cho thông số hệ thống - Hệ số Cosphi từ -0.8 đến 0.8 - 2 chế độ: Automatic/Manual - Có ngõ ra cảnh báo - Nguồn cấp dãy rộng: 90 - 550VAC	**2,568,000**
	**APFC146-112-90/550V (144x144)**	- Bộ điều khiển tụ bù 12 cấp - Hiển thị Cosphi, tính chất tải, trạng thái tiếp điểm đầu ra,... - Màn hình hiển thị LCD với đèn nền - Hệ số Cosphi từ -0.8 đến 0.8 - 2 chế độ: Automatic/Manual - Có ngõ ra cảnh báo, ngõ ra quạt làm mát - Có sẵn cảm biến cho quạt làm mát - Cảnh báo CT ngược - Nguồn cấp dãy rộng: 90 - 550VAC	**3,064,000**
	**APFC148-312-90/550V**	- Bộ điều khiển tụ bù 12 cấp - Hiển thị Cosphi, tính chất tải, trạng thái tiếp điểm đầu ra,... - Đo thông số V A F, P Q S, PF - Hỗ trợ truyền thông RS485 - Màn hình hiển thị LCD với đèn nền - Hệ số Cosphi từ -0.8 đến 0.8 - Chế độ hoạt động thông minh đo lường giá trị tụ - Có ngõ ra cảnh báo - Điều chỉnh hệ số công suất tự động / bằng tay - Nguồn cấp dãy rộng: 90 - 550VAC - Độ chính xác 0.01 cho hệ số công suất	**5,923,000**
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ			
	**TC544C (48x48)**	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 2 hàng, mỗi hàng 4 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF - Ngõ vào: Thermocouple (J, K.T,R, S) / RTD (Pt100) - Hai điểm cài đặt, 2 ngõ ra, chức năng auto-tuning - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250VAC / 30VDC; SSR: 12VDC, 50mA - Ngõ ra cảnh báo: Relay: 5A@250VAC / 30VDC - Nguồn cấp: 85 ~ 270VAC/DC, (24VAC/DC đặt hàng)	**1,026,000**
	TC244CX (72x72)		**1,242,000**
	TC344CX (96x96)		**1,310,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
	**TC533AX (48x48)**	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 2 hàng, mỗi hàng 3 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF. - Ngõ vào: Thermocouple (J, K.T,R, S) / RTD (Pt100) - Một điểm cài đặt, 1 ngõ ra, chức năng auto-tuning. - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5A@250V AC / 30VDC; SSR: 12VDC, 50mA. - Nguồn cấp: 85 ~ 270VAC/DC, (24VAC/DC đặt hàng)	**1,480,000**
	**TC513CX (48x48)**	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 1 hàng 3 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF - Ngõ vào: Thermocouple (J, K.T,R, S) / RTD (Pt100) - Một điểm cài đặt, 1 ngõ ra, chức năng auto-tuning - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250VAC / 30V DC; SSR: 12VDC, 50mA - Nguồn cấp: 85 ~ 270VAC/DC, (24VAC/DC đặt hàng)	**802,000**
	TC203CX (72x72)		**973,000**
	TC303CX (96x96)		**1,033,000**
	**CH403C-1-NTC (48x96)**	- Hiển thị: 3 số, dạng LED - Chế độ hoạt động của Relay: Heat & Cool - Chế độ điều khiển: ON / OFF (Độ trễ - 0.1 - 9.9[0]) - 1 điểm cài đặt nhiệt độ - Ngõ ra: CH403C-3-NTC : Relay - Relay CH403C-1-NTC : Relay - SSR - Nguồn cấp:85 - 270VAC/DC (24VAC/DC đặt hàng)	**740,000**
	CH403C-3-NTC (48x96)		**740,000**
	**PID500-U-C-1**	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 2 hàng 4 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF - Cài đặt chương trình điều khiển 128 bước - Ngõ vào: Thermocouple (J, K.T,R, S, C, E, B, N, L, U, W) / RTD (Pt100), Analog 0-10VDC, 0-20mA, -5 - 56mV - Một điểm cài đặt, 1 ngõ ra, chức năng auto-tuning - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5A@250VAC / 30V DC; SSR: 12VDC, 50mA, Analog - Nguồn cấp: 85 ~ 270VAC/DC, (24VAC/DC đặt hàng) - IP65	**2,122,000**
BỘ HIỂN THỊ ĐA CHỨC NĂNG			
	**PIC101A-T-230 (48x96)**	- Bộ hiển thị xử lý - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S/ Pt100 - Nguồn cấp: 230VAC	**805,000**
	**PIC101A-VI-230 (48x96)**	- Bộ hiển thị xử lý - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: Tín hiệu DC: 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001 - Nguồn cấp: 230VAC - Relay out : PIC111A-VI : 1CO	**805,000**
	**PIC111A-VI**		**916,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
	**PIC152A-VI** **(48x96)**	- Bộ hiển thị đa chức năng - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S, PT100. Tín hiệu analog: -5 - 56mV, 0-10V, 0/4 - 20mA - Ngõ ra: 2CO Relay , 1Analog : 0/4 - 20mA, 0 - 5V, 0 - 10 - Nguồn cấp: 85 - 270VAC/DC - Truyền thông MODBUS RS485 : PIC152A-VI-C	**1,927,000**
	PIC152A-VI-C **(48x96)**		**3,362,000**
BỘ ĐỊNH THỜI GIAN			
	**800POD**	- Timer OFF delay - Dải thời gian: 180 giây - Ngõ ra: 2 CO (5A@230VAC / 24VDC) - Nguồn cấp: 110 ~ 240VAC/DC - Kích thước: 22.5 mm	**1,775,000**
	**800SQ-A**	- Timer ON delay, Interval - Dải thời gian: 3 giây đến 60 phút - Ngõ ra: 1 CO (5A@ 250VAC/24VDC) - Nguồn cấp: 230V AC hoặc 24VAC/DC (50/60 Hz) - Kích thước 22.5 mm	**365,000**
	**800XC**	- Timer luân phiên - Dải thời gian: 1 giây đến 10 giờ - Ngõ ra: 2CO (5A@250VAC / 24VDC) - Nguồn cấp: 20-240VAC (50-60Hz) hoặc 12-240VDC - Kích thước: 22.5 mm	**907,000**
	**800SD-2-230**	- Timer khởi động Sao - Tam giác - Dải thời gian: 3 ~ 30 giây, 6 ~ 60 giây - Thời gian chuyển từ Sao qua Tam giác 50/100ms - Ngõ ra: 2CO (5A@250VAC / 24VDC) - Nguồn cấp: 230VAC/110VAC/230 - 415VAC (50/60 Hz) - Kích thước: 22.5 mm	**433,000**
	**600ST**	- Timer ON delay - Dải thời gian : 0.1 giây đến 3 giờ - Ngõ ra: 1 CO (5A@250VAC / 24VDC) - Nguồn cấp: 240VAC (50/60Hz) - Kích thước: 17.5 mm	**569,000**
	**600SD-2-230**	- Timer khởi động Sao - Tam giác. - Dải thời gian: 3 ~ 30 giây, 6 ~ 60 giây - Thời gian chuyển từ Sao qua Tam giác 50/100ms - Ngõ ra: 2 CO (5A@250VAC / 24VDC) - Nguồn cấp: 600SD-2-230 : 230VAC 600SD-2-110 : 110VAC	**754,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
	**600XU**	- Timer đa năng : 13 chức năng : On Delay, Interval, Asymmetrical cyclic OFF first, Asymmetrical cyclic ON first, Cyclic equal OFF first, Cyclic equal ON first, Pulse output, Delay on break, Delay on make / break, Interval after break, Single shot, Retriggerable single shot, Latching relay, Delay on break with totalise, Interval with tota - Dải thời gian : 0.1 giây đến 3 giờ - Ngõ ra: 1 CO (5A@250VAC / 24VDC) - Nguồn cấp: 20 ~ 240VAC (50/60 Hz) hoặc 12-240 VDC - Kích thước: 17.5 mm	**675,000**
	**600DT**	- Timer đa chức năng hiển thị màn hình LCD - Timer 15 chức năng : On Delay, Interval, Asymmetrical cyclic OFF first, Asymmetrical cyclic ON first, Cyclic equal OFF first, Cyclic equal ON first, Pulse output, Delay on break, Delay on make / break, Interval after break, Single shot, Retriggerable single shot, Latching relay, Delay on break with totalise, Interval with totalis - Dải thời gian đa dạng: 0 đến 999 giờ/phút/giây - Ngõ ra: 1 C/O 8A @ 250VAC - Nguồn cấp: 20 ~ 240VAC/DC	**919,000**
	**XT546**	- Timer đa chức năng hiển thị màn hình LCD - Các chức năng: On delay, Interval, Asymmetrical cyclic OFF first, Asymmetrical cyclic ON first - Dải thời gian đa dạng: 0.00 giây đến 999 giờ - Ngõ ra: 1 C/O 8A @ 250VAC - Nguồn cấp: 85 ~ 270VAC	**1,196,000**
	**TS2M1-1-16A-230V**	- Timer Switch hiển thị màn hình LCD - Các chỉ báo: Auto/ Manual, Holiday, Relay status, Day of week, Programming mode. - Chu kì chạy: 1 tuần. - Tổng chương trình trong tuần: 50 bước ON, 50 bước OFF : TS2M1-1 & TS1W1-1 cài đặt tối đa 8 chương trình - Tổng chương trình trong tuần: 30 bước ON, 30 bước OFF : TS2M1-2 cài đặt tối đa 6 chương trình cho 1 kênh - Số ngày lễ: 16 ngày. - Ngõ ra: 1 C/O 16A @ 250V AC - Nguồn cấp: 230V AC - TS2M1-1-16A-230V : Loại 1 kênh gắn thanh Ray - TS2M1-2-16A-230V : Loại 2 kênh gắn thanh Ray - TS1W1-1-20A-230V : Loại điều khiển trực tiếp gắn vách tủ	**894,000**
	TS2M1-2-16A-230V		**1,155,000**
	**TS1W1-1-20A-230V**		**844,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ)
BỘ HIỂN THỊ TỐC ĐỘ VÀ ĐẾM TỔNG			
	**XC10D (48x96)**	- Bộ đếm tổng - Hiển thị 1 hàng, 6 số, dạng LED - Dải đếm: 999999 - Có chức năng nhớ dữ liệu - Hướng đếm: lên - Loại Sensor: NPN, PNP - Tốc độ ngõ vào: 3Hz, 30Hz, 1kHz - Nguồn cấp: 90 - 270VAC/DC	**1,088,000**
	**RC102C (48x96)**	- Bộ hiển thị tốc độ và đếm tổng - Chức năng đếm: 6 số: 0.01 tới 999999 - Hiển thị tốc độ: 4 số: 4 tới 9999 vòng / phút hoặc mét / phút - Tốc độ ngõ vào: 0 tới 30Hz hoặc 0 tới 2.5 KHz - Dạng ngõ vào: xung áp 3 ~ 30VDC từ cảm biến tiệm cận, Encoders, hoặc từ tiếp điểm - Nguồn cấp: 85 ~ 270 V AC/DC	**2,219,000**
	**XC1200 (48x96)**	- Bộ hiển thị tốc độ và đếm tổng - Chức năng đếm: 6 số: 0.0001 tới 999999 - Hiển thị tốc độ: 5 số: 4 tới 99999 Rpm/Rps - Đếm lên hoặc xuống - Có 2 điểm cài đặt - Có 2 ngõ ra: Relay 5A @ 230VAC/24VDC - Tốc độ ngõ vào: 0 - 30Hz hoặc 0 - 2.5 KHz hoặc 0-5kHz - Dạng ngõ vào: xung áp 3 ~ 30VDC từ cảm biến tiệm cận, Encoders, hoặc từ tiếp điểm - Nguồn cấp: 85 ~ 270 VAC/DC	**2,797,000**
	**TT412B (36x72)**	- Thiết bị đếm tổng thời gian - Hiển thị tối đa được 6 số - Dải thời gian: 99999.9 / 999999 giờ/phút/giây - Ngõ vào: tiếp điểm - Có khả năng reset và nhớ được giá trị 10 năm - Nguồn cấp: 85 ~ 270VAC/DC	**1,208,000**
	**XTC4102**	- Thiết bị đếm tổng thời gian / Số lượng - Hiển thị tối đa được 6 số - Dải thời gian: 99999.9 giờ/phút/giây - Số lượng : 999999 - Ngõ vào: điện áp 24 ~ 260VAC - Có khả năng reset và nhớ được giá trị 5 năm - Nguồn cấp: 90 - 270VAC	**1,241,000**
	**LTC9A (24x48)**	- Thiết bị đếm tổng thời gian / Số lượng - Hiển thị tối đa được 8 số - Dải thời gian: 1999:59:59 giờ:phút:giây, 199999:99 giờ - Số lượng : 19999999 - Ngõ vào: điện áp 24 ~ 260VAC - Có khả năng reset và nhớ được giá trị 5 năm - Nguồn cấp: dùng pin	**511,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả			Giá (VNĐ)
BIẾN DÒNG DẠNG KHỐI					
	Mã hàng	**Tỉ số**	**Burden**	**Accuracy class**	
	**SPCT-62/30-50/5A-VA1.5-CL3-C**	50/5	1.5	3	**297,000**
	SPCT-62/30-75/5A-VA1-CL3-CE	75/5	1	3	**325,000**
	SPCT-62/40-100/5A-VA1-CL1-CE	100/5	1	1	**232,000**
	SPCT-62/40-150/5A-VA1.5-CL1-CE	150/5	1.5	1	**260,000**
	SPCT-62/40-200/5A-VA2.5-CL0.5-CE	200/5	2.5	0.5	**251,000**
	SPCT-62/40-250/5A-VA2.5-CL0.5-CE	250/5	2.5	0.5	**279,000**
	SPCT-62/40-300/5A-VA3-CL0.5-CE	300/5	3	0.5	**279,000**
	SPCT-62/40-400/5A-VA3.75-CL0.5-CE	400/5	3.75	0.5	**297,000**
	SPCT-100/60-500/5A-VA5-CL1-CE	500/5	5	1	**548,000**
	SPCT-100/60-600/5A-VA5-CL0.5-CE	600/5	5	0.5	**557,000**
	SPCT-100/60-800/5A-VA10-CL0.5-CE	800/5	10	0.5	**631,000**
	SPCT-100/60-1000/5A-VA15-CL0.5-CE	1000/5	15	0.5	**733,000**
	SPCT-100/60-1200/5A-VA15-CL0.5-CE	1200/5	15	0.5	**826,000**
	SPCT-140/100-1500/5A-VA15-CL0.5-CE	1500/5	15	0.5	**909,000**
	SPCT-140/100-2000/5A-VA15-CL0.5-CE	2000/5	15	0.5	**1,076,000**
	SPCT-140/100-2500/5A-VA15-CL0.5-CE	2500/5	15	0.5	**1,178,000**
	SPCT-140/100-3000/5A-VA15-CL0.5-CE	3000/5	15	0.5	**1,327,000**
	SPCT-140/100-4000/5A-VA15-CL0.5	4000/5	15	0.5	**1,420,000**
BIẾN DÒNG DẠNG KẸP SCCT					
	**Mã hàng**	**Tỉ số**	**Burden**	**Accuracy class**	
	SCCT-30/20-100/5A-VA1-CL1-CE	100/5	1	1	**1,466,000**
	SCCT-30/20-150/5A-VA1-CL0.5-CE	150/5A	1	0.5	**1,466,000**
	SCCT-30/20-200/5A-VA1-CL0.5-CE	200/5A	1	0.5	**1,466,000**

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả			Giá (VNĐ)
	**SCCT-30/20-250/5A-VA1.5-CL0.5-CE**	250/5A	1.5	0.5	**1,466,000**
	SCCT-80/50-250/5A-VA1-CL0.5-CE		1	0.5	**1,781,000**
	SCCT-30/20-300/5A-VA2.5-CL0.5-CE	300/5A	2.5	0.5	**1,466,000**
	SCCT-80/50-300/5A-VA1.5-CL0.5-CE		1.5	0.5	**1,781,000**
	SCCT-80/50-400/5A-VA1.5-CL0.5-CE	400/5A	1.5	0.5	**1,781,000**
	SCCT-80/50-500/5A-VA2.5-CL0.5-CE	500/5A	2.5	0.5	**1,781,000**
	SCCT-120/80-500/5A-VA2.5-CL0.5-CE		2.5	0.5	**2,978,000**
	SCCT-80/50-600/5A-VA2.5-CL0.5-CE	600/5A	2.5	0.5	**1,781,000**
	SCCT-120/80-600/5A-VA2.5-CL0.5-CE		2.5	0.5	**2,978,000**
	SCCT-80/50-800/5A-VA2.5-CL0.5-CE	800/5A	2.5	0.5	**1,781,000**
	SCCT-120/80-800/5A-VA2.5-CL0.5-CE		2.5	0.5	**2,978,000**
	SCCT-120/80-1000/5A-VA5-CL0.5-CE	1000/5A	5	0.5	**2,978,000**
	SCCT-160/80-1000/5A-VA10-CL0.5-CE		10	0.5	**5,241,000**
	SCCT-120/80-1250/5A-VA7.5-CL0.5 -CE	1250/5A	7.5	0.5	**2,978,000**
	SCCT-160/80-1250/5A-VA10-CL0.5-CE		10	0.5	**5,241,000**
	SCCT-120/80-1500/5A-VA7.5-CL0.5-CE	1500/5A	7.5	0.5	**2,978,000**
	SCCT-160/80-1500/5A-VA15-CL0.5-CE		15	0.5	**5,241,000**
	SCCT-160/80-2000/5A-VA15-CL0.5-CE	2000/5A	15	0.5	**5,241,000**
	SCCT-160/80-2500/5A-VA15-CL0.5-CE	2500/5A	15	0.5	**5,241,000**
	SCCT-160/80-3000/5A-VA15-CL0.5-CE	3000/5A	15	0.5	**5,241,000**
	SCCT-160/80-4000/5A-VA15-CL0.5-CE	4000/5A	15	0.5	**5,241,000**
	SCCT-160/80-5000/5A-VA15-CL0.5-CE	5000/5A	15	0.5	**5,241,000**
	SCCT-160/80-6000/5A-VA15-CL0.5-CE	6000/5A	15	0.5	**5,241,000**

Điều khoản thương mại

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Giá trên sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày giao hàng.